TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **170**/2024/DS-ST
Ngày: 05-8-2024;
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thu Hà**.
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hải Phùng**;
Bà Nguyễn Thị Cờ;

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Hồng Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, *thành phố Hà Nội*: **Bà Phạm Hà Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 84/2024/TLST-DS ngày 01/04/2024 về: Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138 ngày 20/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 149 ngày 16/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B** (viết tắt là BBank); Trụ sở: Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quyết T1 - Chủ tịch HĐQT; Người được ủy quyền lại: Ông Ngô Tiến T; Địa chỉ: Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Ông Ngô Tiến T có mặt.

Bị đơn: **Ông Văn Đình A**, sinh năm 1963; Đăng ký thường trú tại: Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội. Ông A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngân hàng TMCP B do ông Ngô Tiến T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 03/11/2011 ông Văn Đình A và BBank - Sở Giao dịch đã ký Hợp đồng tín dụng số 269.2011.HĐTD; Theo hợp đồng, các bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận:

Ngân hàng cho ông A vay số tiền 240.000.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 03/11/2015; Lãi suất kỳ đầu tiên tối thiểu là 22%/năm; Thay đổi lãi suất: điều chỉnh 06 tháng/lần, xác định bằng lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau do BBank công bố cộng biên độ tối thiểu 7%/năm; Mục đích vay: mua xe Kia Morning cho thuê; Bảo đảm tiền vay: Xe ô tô Kia, loại Morning, biển kiểm soát 29A-414.xx (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0553xx đứng tên Văn Đình A; số khung RNYSA2432BC022xxx; Số máy G4HGBP006xxx).

Các bên đã tự nguyện ký Hợp đồng thế chấp số 3831/2011/HĐTC quyển số 09-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/11/2011.

Ngày 03/11/2011 Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng … , theo đó: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận: Nội dung đăng ký, thông báo việc kê biên đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm lúc 16 giờ 50 phút, ngày 03/11/2011, có số đăng ký là AF11029300BD.

Ngày 03/11/2011 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 240.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản cho bên bán xe ô tô, ông Văn Đình A đã ký Khế ước nhận nợ cá nhân số 269.2011/KUNN-CN; Khế ước này là một phần không tách rời của Hợp đồng tín dụng.

Ngày 26/7/2012 BBank và ông Văn Đình A ký Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng; nội dung phụ lục: Cơ cấu lại nợ cho bên vay với tổng dư nợ gốc trong hạn tiền vay đến ngày 04/7/2012 là 223.933.877 đồng, trong đó: Nợ gốc trong hạn là 200.000.000 đồng; nợ gốc quá hạn là 23.933.877 đồng.

Khi ông A vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông A thanh toán, nhưng sau đó ông A lẩn tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán và ngân hàng cũng không thể liên hệ được với ông A.

Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc ông Văn Đình A thanh toán ngay cho BBank tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 20/6/2024 là 852.502.369 đồng, gồm nợ gốc 223.933.877 đồng, lãi trong hạn 73.032.749 đồng, lãi quá hạn 555.535.742 đồng;

Buộc ông Văn Đình A thanh toán các khoản tiền lãi, tiền phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trên tổng số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 21/6/2024 cho đến ngày ông A thanh toán hết các nghĩa vụ với BBank.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông A không thanh toán toàn bộ khoản nợ, thì BBank có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp hoặc xác minh phát mại tài sản khác của ông A để thu hồi khoản nợ. Chi tiết tài sản thế chấp: 01 xe ô tô Kia, số máy G4HGBP006xxx; số khung RNYSA2432BC022xxx, biển kiểm soát 29A-414.xx (theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0553xx do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 01/11/2011, đứng tên Văn Đình A).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của khách hàng đối với BBank; Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán các khoản phí, nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì khách hàng vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho BBank.

Bị đơn - ông Văn Đình A: Đã được triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, quan điểm, cụ thể:

Buộc ông Văn Đình A thanh toán ngay cho BBank tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 05/8/2024 là 859.334.565 đồng, gồm nợ gốc 223.933.877 đồng, lãi trong hạn 73.032.749 đồng, lãi quá hạn 562.367.939 đồng;

Buộc ông Văn Đình A thanh toán các khoản tiền lãi, phí theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trên tổng số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 06/8/2024 cho đến ngày ông A thanh toán hết các nghĩa vụ với BBank.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông A không thanh toán toàn bộ khoản nợ, thì BBank có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp hoặc xác minh phát mại tài sản khác của ông A để thu hồi khoản nợ. Chi tiết tài sản thế chấp: 01 xe ô tô Kia, số máy G4HGBP006xxx; số khung RNYSA2432BC022xxx, biển kiểm soát 29A-414.xx (theo Giấy chứng nhận đăng ký số 055343 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 01/11/2011, đứng tên Văn Đình A).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của khách hàng đối với BBank; Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán các khoản phí, nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì khách hàng vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho BBank.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa có ý kiến***:

Về tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

* Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 319, Điều 342, Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi suất; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn thanh toán cho ngân hàng số tiền gồm nợ gốc và nợ lãi (tạm tính đến ngày xét xử). Bị đơn phải tiếp tục chịu nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên và lãi phát sinh thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản

bảo đảm để thu hồi nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày xét xử vụ án đến khi thanh toán hết nợ gốc.

- Số tiền nợ còn lại, bị đơn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng

2. Về án phí: Bị đơn có lỗi khi không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nên phải nộp án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tố tụng:

1.1. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh giữa một bên là cá nhân và một bên là pháp nhân liên quan đến nghĩa vụ thanh toán tiền theo hợp đồng tín dụng; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1.2. Thẩm quyền: Bị đơn có đăng ký thường trú tại phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội; từ năm 2005 đến nay không cư trú tại địa chỉ trên và không rõ ở đâu; Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền.

1.3. Xét đương sự vắng mặt: Trước khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thì ông A có đăng ký thường trú tại Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa; ông A không sinh sống tại địa phương từ năm 2005, hiện không rõ ở đâu. Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng năm 2011 ông A vẫn kê khai địa chỉ tại Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột. Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp nhưng không thành và đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định tại Điều 171 đến Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông A đều vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt ông A.

[2]. Nội dung:

2.1. Xét Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ ký giữa BBank và ông Văn Đình A:

Ngày 03/11/2011 ông Văn Đình A và BBank - Sở Giao dịch đã ký Hợp đồng tín dụng số 269.2011.HĐTD; Theo hợp đồng, các bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận: Ngân hàng cho ông A vay số tiền 240.000.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 03/11/2015; Mục đích vay: mua xe Kia Morning cho thuê; Bảo đảm tiền vay: Xe ô tô Kia, loại Morning, biển kiểm soát 29A-414.xx.

Ngày 03/11/2011 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 240.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản cho bên bán xe ô tô, ông Văn Đình A đã ký Khế ước nhận nợ cá nhân số 269.2011/KUNN-CN; Khế ước này là một phần không tách rời của Hợp đồng tín dụng.

Ngày 26/7/2012 BBank và ông Văn Đình A ký Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng; nội dung phụ lục: Cơ cấu lại nợ cho bên vay với tổng dư nợ gốc trong hạn tiền vay đến ngày 04/7/2012 là 223.933.877 đồng, trong đó: Nợ gốc trong hạn là 200.000.000 đồng; nợ gốc quá hạn là 23.933.877 đồng.

Nhận thấy: Chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; các bên nhất trí và cùng ký tên; mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; Hình thức hợp đồng phù hợp pháp luật; Các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 121, 122, 123, 124, 389, 390, 471 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật, các bên có quyền, nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện các nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng.

2.2. Xét yêu cầu về nợ gốc:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, đối chiếu với bảng kê do Ngân hàng cung cấp, thấy: Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 240.000.000 đồng; ngày 26/7/2012 các bên thống nhất cơ cấu lại nợ cho bên vay với tổng dư nợ gốc trong hạn tiền vay đến ngày 04/7/2012 là 223.933.877 đồng, từ ngày 04/7/2012 đến nay ông A chưa thanh toán khoản tiền này. Như vậy, yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc A thanh toán toàn bộ số nợ gốc còn nợ là có căn cứ, phù hợp với Điều 281, 290, 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 280, 281 và Điều 466 Bộ luật dân sự), nên được chấp nhận; Buộc ông A trả cho BBank số tiền nợ gốc 223.933.877 đồng.

2.3. Xét yêu cầu về nợ lãi và phí liên quan:

Tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các bên thỏa thuận: Bên vay có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi và phí liên quan đầy đủ, đúng hạn.

Lãi suất kỳ đầu tiên tối thiểu là 22%/năm; Thay đổi lãi suất: điều chỉnh 06 tháng/lần, xác định bằng lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau do BBank công bố cộng biên độ tối thiểu 7%/năm; lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất trong hạn.

Nhận thấy: Mức lãi suất BBank và ông A là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên; phù hợp quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, phù hợp với các Quyết định của Ngân hàng về việc điều chỉnh mức lãi suất đối với từng thời điểm, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Do đó, yêu cầu của BBank về việc buộc ông A trả Ngân hàng số tiền lãi tính đến ngày 05/8/2024 là 635.400.688 đồng (gồm lãi trong hạn 73.032.749 đồng, lãi quá hạn 562.367.939 đồng) là có căn cứ, được chấp nhận; Ông A tiếp tục phải trả lãi phát sinh trên nợ gốc, phí liên quan theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từ ngày 06/8/2024 cho đến ngày ông A thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

2.4. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hồ sơ thể hiện: Các bên đã tự nguyện ký Hợp đồng thế chấp số 69.2011.HĐTC.BVB ngày 02/11/2011. Sau khi có đăng ký xe ô tô bản chính, các

bên thống nhất ký Hợp đồng thế chấp số 3831/2011/HĐTC quyển số 09-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/11/2011; theo hợp đồng: Ông A thế chấp quyền sở hữu xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu Kia Morning Sport, mới 100%, biển kiểm soát 29A-414.xx để đảm bảo cho khoản vay tối đa 240 triệu đồng.

Ngày 03/11/2011 Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng …, theo đó: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận: Nội dung đăng ký, thông báo việc kê biên đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm lúc 16 giờ 50 phút, ngày 03/11/2011, có số đăng ký là AF11029300BD.

Theo nội dung hợp đồng thế chấp các bên xác nhận đồng ý thực hiện việc thế chấp tài sản với những nội dung cụ thể thỏa thuận trong hợp đồng; việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc; các bên đồng ý thực hiện đúng và đủ các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng thế chấp; hai bên đã đọc hợp đồng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng.

Nhận thấy: Việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, các bên đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký xác nhận. Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng; Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định; Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng; Căn cứ 121, 123, 318, 323, 342, 348, 349, 355 Bộ luật dân sự năm 2005 nay là Điều 116, 117, 118, 119, 298, 317, 318, 319, 320 Bộ luật dân sự; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm"; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Xác định Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật; Các bên có quyền, nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện các thỏa thuận đã ký. Do đó, yêu cầu của BBank về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp ông A không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, được chấp nhận.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông A đối với BBank; Trường hợp số tiền thu được không đủ thanh toán các khoản phí, nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì khách hàng vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho BBank.

[3]. Án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Sacombank phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

[4]. Đối với chi phí xem xét thẩm định: Ông A có nghĩa vụ chịu theo Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Buộc ông A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền chi phí xem xét, thẩm định.

[5]. Điều luật áp dụng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688, áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để xét xử.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 184; Điều 226; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 116, 117, 118, 119, 280, 281, Điều 466, 298, 317, 318, 319, 320 và Điều 688 Bộ luật dân sự

- Khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2018.

- Điều 3, 24, 25, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B khởi kiện đối với ông Văn Đình A.

Xác nhận ông Văn Đình A nợ và buộc ông Văn Đình A trả Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến ngày 05/8/2024 là 859.334.565 đồng (tám trăm năm mươi chín triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi lăm đồng), gồm nợ gốc 223.933.877 đồng, lãi trong hạn 73.032.749 đồng, lãi quá hạn 562.367.939 đồng;

Ông A tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán và phí liên quan theo hợp đồng tín dụng số 269.2011.HĐTD ngày 03/11/2011, từ ngày 06/8/2024 cho đến ngày ông A thực tế tất toán khoản vay.

2. Trường hợp ông A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô Kia, loại Morning, biển kiểm soát 29A-414.xx (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0553xx đứng tên Văn Đình A; số khung RNYSA2432BC022xxx; Số máy G4HGBP006xxx) theo Hợp đồng thế chấp số 3831/2011/HĐTC quyển sổ 09-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/11/2011.

Trường hợp số tiền thu được không đủ thanh toán nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì ông A vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP B.

3. Về án phí: Ông Văn Đình A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.780.036 đồng (ba mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, không trăm ba mươi sáu đồng). Hoàn trả Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.903.427 đồng (mười bảy triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm hai mươi bảy đồng); theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019666 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Văn Đình A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Đống Đa, Hà Nội;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hà